TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST Ngày: 26/7/2024 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Thanh Vũ

Ông Nguyễn Văn Tân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh P, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn H, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm B, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 13/5/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh P trình bày:

Chị và anh Nguyễn H có đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Đến tháng 02/2020 vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, vợ chồng chị đã cố gắng tự hòa giải nhưng không thành dẫn đến cuộc sống ngày càng căng thẳng. Vợ chồng chị thực tế đã sống ly thân kể từ ngày 20/4/2022 cho đến nay. Hiện tại chị đang sống tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, còn anh Nguyễn H thì sống tại Khóm B, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng chị đã cố gắng hòa giải để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành, thậm chí mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng dẫn đến ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống cả hai, mục đích hôn nhân không

đạt được. Nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân do hai bên đã không thể hòa giải, không thể tiếp tục chung sống. Do đó, chị P yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn H.

Về con chung: Chị P và anh Nguyễn H có một con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 05/11/2017, chị P trực tiếp nuôi con, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nguyên đơn chị P có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Bị đơn anh Nguyễn H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Toà án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn H và chị Huỳnh P là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị P là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh H và chị P, theo chị Phí cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, vợ chồng chị đã cố gắng tự hòa giải nhưng không thành dẫn đến cuộc sống ngày càng căng thẳng, chị P và anh H đã ly thân với nhau từ ngày 20/4/2022 đến nay không thể hàn gắn được. Chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn H. Còn anh H đã được Tòa án mời lên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn nhưng không đến tham gia hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của anh H và chị P đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa anh H và chị P là trầm trọng không thể khắc phục. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P, cho chị P được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn H và chị Huỳnh P có một con chung là cháu Nguyễn K, sinh ngày 05/11/2017, theo chị P trình bày thì hiện nay cháu K do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị P có nguyện vọng nuôi con, anh H không thể hiện yêu cầu nuôi con hay phản đối chị P nuôi con. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường*

hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Giữa anh H và chị P không thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giao con chung nên Hội đồng xét xử cần xem xét, hiện nay cháu K vẫn chưa đủ 07 tuổi, cháu K đang sống chung với mẹ là chị P và từ lúc ly thân với nhau năm 2022 thì cháu K vẫn do chị P nuôi dưỡng, để không làm xáo trộn môi trường sống của cháu K và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu K nên cần tiếp tục giao cháu K cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho anh H không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Huỳnh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005227 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Anh Nguyễn H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh P.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh P được ly hôn với anh Nguyễn H.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn K, sinh ngày 05/11/2017 cho chị Huỳnh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Nguyễn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 005227 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Anh Nguyễn H không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã N, huyện C, T;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng